

Bản án số: 171/2020/HS-ST  
Ngày: 21- 5- 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tô Văn Nhung;  
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 11, 18 và 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/HSST-QĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2020/HSST-QĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Duy Q, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Thuận; thường trú: Thôn 5, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: Ký túc xá Đại học Quốc Gia, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Duy M, sinh năm 1970 (chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1972; có 02 chị ruột, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Hồ Nhật M, sinh năm 1999; thường trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Phạm Thiện T, sinh năm 1998; thường trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Nguyễn Duy P, sinh năm 2000; thường trú: Khu tập thể, khu phố N, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

4. Cái Lê D, sinh năm 1999; thường trú: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

5. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1995; thường trú: Ấp H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

6. Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; thường trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

7. Trần Thị Tường V, sinh năm 2000; thường trú: Phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

8. Võ Hồng Â, sinh năm 1988; thường trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố 2, phường T, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Phạm Hoàng V, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố 3, phường H, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Nguyễn Thọ K, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố , phường P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4. Nguyễn Văn P, sinh năm 1980; địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Hồng S, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Duy Q là sinh viên Đại học B thành phố Hồ Chí Minh, tạm trú tòa nhà C3 khu ký túc xá Đại học Quốc gia thuộc khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khoảng 23 giờ ngày 09/10/2019 Q lên vào cầu thang thoát hiểm của dãy nhà khu ký túc xá Đại học Quốc gia và ngồi đợi. Đến khoảng 03 giờ ngày 10/10/2019, Q theo cầu thang thoát hiểm đi lên lầu 6 đột nhập qua cửa sổ nhà vệ sinh chung và leo qua cửa sổ ra ban công chung của phòng ngủ tập thể. Lúc này, các sinh viên trong phòng đều ngủ, cửa chính hướng ra hành lang được đóng và cài khóa trong, riêng cửa phụ hướng ra ban công của cả hai phòng mở. Q lén lút đi qua cửa phụ vào phòng lấy trộm 01 laptop nhãn hiệu Dell model P26F của anh Cái Lê D để trên mặt bàn học kê cạnh cửa phụ mang ra ban công đặt xuống sàn. Sau đó Q tiếp tục đi vào phòng lén lút chiếm đoạt 01 laptop nhãn hiệu Soni Vaio model SVS15113FX8 của anh Nguyễn Duy P để trên bàn học kê cạnh đầu giường số 4 mang ra đặt xuống sàn ban công. Tiếp theo, Q vào phòng lén lút chiếm đoạt 01 máy laptop nhãn hiệu Dell model VOS15-3568 của anh Hồ Nhật M để trên bàn học kê cạnh giường ngủ số 2 mang ra ngoài. Q mang 03 máy laptop vừa chiếm đoạt được theo đường cũ leo ra hành lang và đặt lên trên sọt rác trước cửa chính phòng rồi đi theo cầu thang bộ đi xuống lầu 2 của tòa

nhà. Bằng cách thức trên, Q đột nhập vào ban công chung của hai phòng ngủ tập thể. Lúc này, các sinh viên trong hai phòng đều đang ngủ, cửa chính hướng ra hành lang đóng được chốt trong, cửa phụ hướng ra ban công chung giữa hai phòng để mở. Q đột nhập vào phòng qua cửa phụ chiếm đoạt 01 laptop nhãn hiệu ASUS model X555U của anh Phạm Thiện T để trên bàn học kê cạnh giường ngủ số 2 mang ra đặt ở sàn ban công. Sau đó Q đột nhập vào phòng lén lút lấy 01 laptop nhãn hiệu MSI model MS-16R3 của anh Lương Thiên P để trên bàn xếp dưới cuối giường sắt số 2 mang ra ban công. Khi đang thực hiện hành vi phạm tội thì Q bị anh Phạm Thiện T phát hiện nên Q bỏ lại máy tẩu thoát ra ngoài và chạy bộ lên lầu 6 trốn vào nhà vệ sinh chung của phòng. Khoảng 15 phút, bảo vệ ký túc xá khu B ông Nguyễn Hồng S kiểm tra, phát hiện Q và đưa về trụ sở Cơ quan Công an để làm việc.

Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời còn khai nhận vào đêm ngày 15/8/2019 và còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tòa nhà BA1, ký túc xá khu B Đại học quốc gia đối với 4 laptop gồm: 01 laptop nhãn hiệu ASUS core I3 mua năm 2014 của chị Nguyễn Hoàng T để ở cuối giường ngủ số 3; 01 laptop nhãn hiệu Acer core I3 mua năm 2016 của chị Võ Hồng A để cuối giường ngủ số 2; 01 laptop nhãn hiệu Asus core I3 mua năm 2016 của chị Nguyễn Thị N để ở cuối giường ngủ số 3 và 01 laptop nhãn hiệu Dell core I3 mua mới năm 2013 của chị Trần Thị Tường V để cuối giường ngủ số 2. Sau đó vào ngày 04/9/2019 Q bán máy tính nhãn hiệu ASUS core I3 của chị T tại cửa hàng “Laptop 242” tại địa chỉ số 9, đường T, khu phố, phường H, quận, thành phố Hồ Chí Minh được 1.000.000 đồng; bán máy laptop nhãn hiệu Acer của chị A tại cửa hàng “Laptop giá rẻ” tại khu phố, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được 2.000.000 đồng; bán máy laptop nhãn hiệu ASUS của chị N cho cửa hàng “N” địa chỉ đường Trần Thị Đ, khu phố, phường P, quận, thành phố Hồ Chí Minh được 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 laptop nhãn hiệu Dell model P62F của anh Cái Lê D; 01 laptop nhãn hiệu Soni Vaio model SVS15113FX8 của anh Nguyễn Duy P; 01 laptop nhãn hiệu Dell model VOS15-3568 của anh Hồ Nhật M; 01 laptop nhãn hiệu Asus model X555U của anh Phạm Thiện T; 01 laptop nhãn hiệu MSI model MS-16R3 của anh Lương Thiên P. Các vật chứng này thu hồi trả lại cho các bị hại.

Theo bản kết luận định giá số 220/BB-ĐG ngày 18/10/2019 của Hội đồng định giá thành phố D, tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 10/10/2019, máy tính xách tay nhãn hiệu Dell mã hàng P62F đã qua sử dụng có giá trị 7.000.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu Soni Vaio mã hàng SVS15113FX8 đã qua sử dụng giá trị 5.000.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu Dell mã hàng VOS15-3568 đã qua sử dụng giá trị 8.000.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu Asus mã hàng X555U đã qua sử dụng giá trị 7.000.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu MSI mã hàng MS-16R3 đã qua sử dụng giá trị 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Duy Quang chiếm đoạt ngày 10/10/2019 là 35.000.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá số 272/BB-ĐG ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá thành phố D, tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 15/8/2019, máy tính

xách tay nhãn hiệu Asus core I3 mua năm 2014 đã qua sử dụng có giá trị 2.200.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu Asus core I3 mua năm 2016 đã qua sử dụng có giá trị 3.800.000 đồng; máy tính xách tay nhãn hiệu Dell core I3 mua mới năm 2013 có giá trị 2.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Duy Q chiếm đoạt ngày 15/8/2019 là 12.100.000 đồng.

Đối với anh Phạm Hoàng V, chủ cửa hàng Laptop 242; anh Nguyễn Hoàng L, chủ cửa hàng Nam Phong; anh Nguyễn Văn P, chủ cửa hàng Laptop giá rẻ; anh Nguyễn Thọ K, chủ cửa hàng N, do không biết các tài sản Q bán, phạm tội mà có nên không xử lý hình sự.

Đối với 04 máy laptop bị cáo Q trộm vào ngày 15/8/2019 hiện không thu hồi được. Bị cáo Q chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho chị Nguyễn Hoàng T số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho chị Võ Hồng A số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho chị Võ Thị Tường V số tiền 3.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 66/CT-VKS-DA ngày 16 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Duy Q về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Duy Q mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận, đối đáp gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Vào các ngày 15/8/2019, 10/10/2019 tại khu ký túc xá Đại học Quốc gia thành phố H, thuộc khu phố T, phường Đ, thành phố D, Trần Duy Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 laptop nhãn hiệu Dell model P62F của anh Cái Lê D; 01 laptop nhãn hiệu Soni Vaio model

SVS15113FX8 của anh Nguyễn Duy P; 01 laptop nhãn hiệu Dell model VOS15-3568 của anh Hồ Nhật M; 01 laptop nhãn hiệu Asus model X555U của anh Phạm Thiện T; 01 laptop nhãn hiệu MSI model MS-16R3 của anh Lương Thiên P; 01 laptop nhãn hiệu ASUS core I3 của chị Nguyễn Hoàng T; 01 laptop nhãn hiệu Acer core I3 của chị Võ Hồng Â; 01 laptop nhãn hiệu Asus core I3 của chị Nguyễn Thị N và 01 laptop nhãn hiệu Dell core I3 của chị Trần Thị Tường V. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng số 66/CT-VKS-DA ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Trần Duy Q là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo cùng với gia đình khắc phục hậu quả cho các bị hại và đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là sinh viên nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[8] Đối với anh Phạm Hoàng V, chủ cửa hàng Laptop 242; anh Nguyễn Hoàng L, chủ cửa hàng N; anh Nguyễn Văn P, chủ cửa hàng Laptop giá rẻ; anh Nguyễn Thọ K, chủ cửa hàng N do không biết các tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là phù hợp.

[9] Từ những phân tích trên và trường Đại học B Thành phố H có công văn bảo lãnh cho bị cáo, để tạo điều kiện cho bị cáo hoàn thành khóa học, để sửa chữa lại bản thân, Hội đồng xét xử xem xét có căn cứ quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo; do bị cáo còn đi học có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, xét không cần thiết khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Duy Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhận được bản án.

Giao Trần Duy Q cho UBND phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Đ nhận được bản án và quyết định thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Duy Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Quân**